

GIAO LƯU VÀ CỔ KẾT CỘNG ĐỒNG TRONG NGHI LỄ CÚNG ĐÌNH Ở XÃ TÂN CHÁNH, HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

Tóm tắt: Đình là một thiết chế văn hóa xã hội của làng xã truyền thống người Việt. Do vậy, nghi lễ cúng đình, ngoài việc nghiên cứu ở khía cạnh văn hóa, tìm hiểu ý nghĩa của các nghi lễ và đặc trưng văn hóa vùng miền trong các lễ thức còn có thể được xem xét ở chức năng cổ kết cộng đồng. Dựa trên dữ liệu nghiên cứu và khảo sát việc cúng đình ở Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2012, nghiên cứu cho thấy nghi lễ cúng đình hiện nay, ngoài các chức năng đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng còn củng cố chức năng cổ kết xã hội. “Giao lưu” giữa các mạng lưới đình miếu đã trở thành một hiện tượng nổi bật trong hoạt động cúng đình hiện nay. Yếu tố cổ kết qua hoạt động giao lưu đã không chỉ giới hạn phạm vi ảnh hưởng trong nội bộ cộng đồng địa phương mà còn mở rộng ra bên ngoài. Sự phát triển kinh tế của địa phương đã góp phần cho sự “tăng cường nghi lễ” của lễ cúng đình ở Nam Bộ.

Từ khóa: Cộng đồng, cổ kết, giao lưu, nghi lễ, cúng đình.

Dẫn nhập

Đình là một đặc trưng nổi bật của văn hóa làng xã người Việt. Dù phân bố khắp cả nước và mang những đặc thù riêng của từng vùng miền nhưng đình vẫn có đặc điểm chung là thờ Thành Hoàng của làng. Thành Hoàng là người bảo hộ cho dân làng được quốc thái dân an. Đình Nam Bộ từ lâu đã được biết tới với đặc điểm đa chức năng (Huỳnh Ngọc Trảng, Hồ Tường, 1997, tr. 42). Đình là nơi thờ các thần thời khai hoang, các đối tượng thờ tự gốc là vua chúa, công thần các triều Lê - Nguyễn, thần và Thành hoàng do nhà Nguyễn sắc phong,

* Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
Ngày nhận bài: 30/3/2017; Ngày biên tập: 16/5/2017; Ngày duyệt đăng: 28/6/2017.

các vị thần dân đã được tích hợp vào *đình* (Huỳnh Ngọc Trảng, Hồ Tường, 1997, tr. 53-160).

Do là một thiết chế văn hóa có từ thời phong kiến, gắn liền với không gian cư trú của các cộng đồng cư dân trong lịch sử hình thành và phát triển nên *đình* là một chủ đề được rất nhiều nhà khoa học quan tâm tìm hiểu ở các khía cạnh khác nhau như lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật trang trí, nghi lễ cúng đình, vai trò của *đình* trong đời sống tinh thần, giữ gìn và phát huy các giá trị của đình, v.v. (Lê Sơn, 1996; Nguyễn Thị Minh Ngọc, 2011; Quách Thu Nguyệt, 1996; Huỳnh Ngọc Trảng và Trương Ngọc Tường, 1997; Hồ Tường và Nguyễn Hữu Thế, 2005; Sơn Nam, 2006; Lê Thị Ninh, 2011; Huỳnh Quốc Thắng, 2003....).

Về chức năng của *đình*, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào phân tích chức năng tín ngưỡng và xã hội. Quách Thu Nguyệt (1996) cho rằng chức năng thờ thần Thành Hoàng của làng là chức năng quan trọng nhất của đình. Thành Hoàng là người đại diện triều đình chăm sóc cho thôn xóm. Ngoài ra, *đình* còn là nơi thờ cúng trong cộng đồng làng xã. Về chức năng xã hội, Quách Thu Nguyệt cho rằng *đình* là ngôi nhà chung, nhà việc của làng, nơi dân làng nhóm họp, bàn bạc công việc mùa màng, xử kiện.... Tác giả cũng cho thấy chức năng hành chính xã hội của đình hiện nay không còn nữa, mà giờ còn gắn thêm chức năng từ thiện, tương tế xã hội khi ở đây trở thành chỗ hội họp, bàn những việc giúp đỡ nhau như tang ma, hiếu hỉ hay tổ chức các lớp học tình thương. Ngoài ra, nhiều *đình* còn là nơi trị bệnh và bán thuốc Nam (tr. 26). Và theo tác giả *đình* ở Nam Bộ có chức năng trọng tâm là nơi thờ thần Thành Hoàng cùng các vị thần linh khác (tr. 157). Nghiên cứu đình Thông Tây Hội ở quận Gò Vấp (Thành phố Hồ Chí Minh), Lê Sơn (1966) chỉ ra là *đình* có chức năng thờ thần bảo hộ của làng và các vị thần khác; là nơi hội họp giải quyết các vấn đề nội bộ của làng; là nơi mà tất cả làng đều tham gia vào, và là nơi tổ chức hội làng theo mùa vụ nông nghiệp (tr. 102). Nguyễn Thị Minh Ngọc (2011) với hướng tiếp cận văn hóa kiến trúc và tổ chức cho *đình* là nơi thực hiện chức năng bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của cha ông để lại về nghệ thuật điêu khắc, nghệ thuật biểu diễn, và chức năng tương tế xã hội và tổ chức các hoạt động từ thiện. Tác giả cũng nhấn

manh *đình* là điểm tập hợp cố kết cộng đồng, là trung tâm của cộng cảm. Biểu hiện cụ thể là vào lễ Kỳ Yên, là thời gian sinh hoạt sôi nổi của cả cộng đồng người tham gia vào các hoạt động của lễ như lễ thỉnh sắc, cúng tế, sắm sửa lễ vật, hát bội, trao đổi, cùng nhau nấu nướng, và ăn uống... Thông qua việc tham gia này, mọi người trong làng gắn kết với nhau. Lễ hội là cầu nối tâm linh giữa con người với nhau và giữa quá khứ, hiện tại và tương lai (tr. 118-120).

Trong bối cảnh các nghiên cứu về chức năng của *đình* đã dẫn ở trên, dựa trên dữ liệu nghiên cứu và khảo sát về cúng *đình* ở các cộng đồng cư dân Nam Bộ, đặc biệt là cuộc khảo sát dài ngày tại huyện Cần Đước (tỉnh Long An), trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2012, nghiên cứu sẽ cho thấy nghi lễ cúng *đình* hiện nay ngoài các chức năng đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng thì còn ngày càng củng cố chức năng cố kết xã hội qua hiện tượng “giao lưu” trong mạng lưới tôn giáo - tín ngưỡng. Chính hiện tượng giao lưu này đã làm cho chức năng cố kết xã hội của *đình* mở rộng phạm vi ra bên ngoài khuôn khổ không gian cộng đồng làng. Bài viết chia sẻ quan điểm với Lương Văn Hy (1994) rằng có mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa kinh tế và nghi lễ. Theo Lương Văn Hy, thịnh dư kinh tế đã tăng cường mạnh mẽ các nghi lễ bên trong cũng như bên ngoài dòng họ. Nghi lễ và hệ thống tiệc tùng qua lại đã tăng cường quan hệ xã hội (tr. 437-438). Trong bài viết này, chúng tôi cho là sự cải thiện trong đời sống kinh tế đã làm cho nghi lễ cúng *đình* ngày càng trở nên quy mô và mở rộng các mối quan hệ xã hội ra ngoài cộng đồng.

1. Đình Thần xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An

Tân Chánh là xã vùng hạ của huyện Cần Đước, cách thị trấn Cần Đước 6 km về phía Nam, có diện tích tự nhiên là 1.700 ha. Trong đó diện tích đất nông nghiệp 990 ha, đất nuôi tôm chiếm 830 ha, và diện tích đất có nuôi tôm năm 2016 là 600 ha (Phòng vấn lãnh đạo xã Tân Chánh tháng 3 năm 2017). Xã Tân Chánh hiện tại được chia thành 7 ấp: Đông Trung, Đông Nhất, Hòa Quới, Bà Nghĩa, Đông Nhì, Đình và ấp Lăng. Xã Tân Chánh được xem là xã vùng sâu của huyện Cần Đước. Vùng hạ Cần Đước từ lâu đã nổi tiếng là vùng “đất mặn đồng chua”. Do có hệ thống hai con sông lớn là sông Vàm Cỏ và sông Rạch Cát đổ ra cửa biển Soài Rạp, nên vùng đất Cần Đước có đặc điểm là

hệ thống sông ngòi và kênh mương chằng chịt, đất đai một số xã bị nhiễm mặn, trong đó nặng nhất là xã Tân Chánh. Đây là hai đặc điểm tự nhiên quan trọng, quy định hoạt động kinh tế của vùng đất này, đặc biệt trong giai đoạn chưa chịu sự tác động mạnh mẽ của sự phát triển khoa học công nghệ. Lịch sử sinh kế của vùng đất xã Tân Chánh được quy định bởi mốc thời gian những năm 1990 đến năm 2000 khi nghề nuôi tôm trở thành sinh kế chính của cư dân ở đây. Nếu như giai đoạn trước nuôi tôm, Tân Chánh được xem là xã nghèo nhất huyện do đất nhiễm mặn trồng lúa năng suất thấp. Người dân trong giai đoạn này phải tha phương cầu thực để có kế sinh nhai, nổi bật nhất là “nghề đi ghe” để trao đổi hàng hóa giữa vùng Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. Trên cơ sở nghề đi ghe, ở đây cũng phát triển nghề đóng xà lan và chõr xà lan. Vào năm 2010, cả xã có trên 500 phương tiện xà lan thực hiện các dịch vụ chuyên chở hàng hóa và san lấp mặt bằng trong và ngoài nước. Kể từ năm 2000, người dân đã chuyển hoàn toàn từ trồng lúa sang nuôi tôm. Nuôi tôm hiện nay là công việc chủ yếu của cư dân xã Tân Chánh.

Vào khoảng đầu thế kỷ 19, vùng đất Tân Chánh được chính thức ghi nhận trong các thư tịch với tên gọi đầu tiên là thôn Nhơn Hòa, thuộc tổng Phước Điền Thượng, huyện Phước Lộc, phủ Tân Bình, trấn Phiên An. Cái tên Tân Chánh được ghi nhận xuất hiện năm 1871 trong *Nam kỳ địa hạt tổng thôn danh hiệu mục lục* (Đảng ủy xã Tân Chánh, 2003, tr. 15-23). Giống như nhiều địa danh khác ở Nam Bộ, yếu tố Hán-Việt “tân” trong Tân Chánh dùng để chỉ vùng đất mới (Lê Trung Hoa, 2005, tr. 124). Cư dân ở Tân Chánh từ khi lập làng vào thế kỷ 18, trong quá trình sinh sống, đã thiết lập một mạng lưới hệ thống các thiết chế tôn giáo - tín ngưỡng để phục vụ cho nhu cầu tinh thần của cộng đồng. Tân Chánh có sự hiện diện của thánh thất Cao Đài, chùa Phật giáo, đình thần và hệ thống các miếu thờ. Trong hệ thống này, đình thần Tân Chánh có một vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống của cư dân xã. Nếu như các thiết chế tôn giáo như Cao Đài và Phật giáo chỉ thu hút các tín đồ của tôn giáo mình, miếu thì “miếu xóm nào xóm đó cúng”, trong khi đó *đình* là nơi thu hút sự tham gia của tất cả cư dân trong xã, không phân biệt tôn giáo - tín ngưỡng và không gian cư trú.

Hiện nay, chưa có tư liệu nào ghi chép cụ thể về thời điểm ra đời của đình Tân Chánh. Tuy nhiên, quá trình tu sửa đình trong giai đoạn hiện đại được người dân nhớ rất rõ. Trước năm 1961, khi đình bị cháy hoàn toàn do trúng pháo kích, theo lời kể của ông N.V.O. 84 tuổi, là con cháu của ông Từ trông coi đình, *đình* có quy mô khá lớn với hơn 50 cột bằng gỗ cắm xe. Khi *đình* bị cháy, sắc thần được chuyển cho hậu duệ của ông Nguyễn Khắc Tuấn cư trú ở chợ Cần Đước cất giữ. Bắt đầu từ năm 1974, với sự đóng góp của nhân dân trong xã, *đình* được xây dựng lại đến năm 2006 thì hoàn tất các công trình chánh điện, nhà khách, cổng đình, võ ca, nhà kho. Người dân thường nhắc đến “Ông” hay “Linh Thần” là Chương cơ Xuân Quang Hầu Nguyễn Khắc Tuấn, một võ quan triều Nguyễn người địa phương. Đình hiện nay tọa lạc trên khuôn viên 3.501m vuông (Bảo tàng Long An, 2011). Trước đó, *đình* đã hiến một phần đất để xây dựng trường mẫu giáo của ấp. Ngoài ra, đình Tân Chánh cũng là nơi dựng bia liệt sĩ của ấp. Tuy nhiên, địa điểm bia liệt sĩ là nơi thực hiện nghi lễ cúng tế với ý nghĩa “cầu siêu thoát cho tất cả những người đã chết, những người khuất mày khuất mặt”, chứ không phải chỉ riêng cho các liệt sĩ. Đình đã được công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh năm 2012.

Đối tượng thờ chính của đình là Thành Hoàng Bản Cảnh, vị thần bảo hộ của làng. Thần được tôn thờ ở vị trí trung tâm của chánh điện. Biểu trưng cho “Thần” là khám thờ bằng gỗ, hình chữ nhật, nền đỏ với chữ 神 (*Thần*) được thếp vàng ở chính giữa. Đình còn thờ Nam Hải Tướng Quân (Cá Ông). Ngoài các vị nhiên thần đó, người dân còn thờ phụng Chương cơ Xuân Quang hầu Nguyễn Khắc Tuấn, một vị tướng người địa phương phục vụ dưới triều vua Gia Long và Minh Mạng, được vua Minh Mạng sắc phong vào ngày 3 tháng 3 năm 1823 (Đảng ủy xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An 2003, tr. 28). Ông được thờ tại bàn thờ đặt ở trung tâm của đình với bài vị ghi tước hiệu Nguyễn Xuân Hầu là Nghiêm Oai tướng quân, Thượng Hộ quân Thống chế. Do công lao của ông đối với đất nước nên người dân ở đây tôn thờ ông làm Thần hoàng của làng.

Hiện nay, đình là trung tâm sinh hoạt văn hóa, xã hội, chính trị của cộng đồng, là điểm tổ chức các cuộc hội họp của ấp. Lễ cúng Đình được tổ chức hàng năm vào ngày mùng 6 tháng 2 âm lịch, được coi là

ngày giỗ của Thần. Lễ cúng đình ngày càng được phát triển về quy mô tổ chức. Ý nghĩa của việc tham gia cúng *đình* đối với người tham dự hiện nay là ngoài việc cầu an cho cộng đồng do Ban Hội hương đình thực hiện, cầu xin Thần phù hộ cho sức khỏe và sự thịnh vượng của các cư dân địa phương, thì còn gắn bó chặt chẽ với yếu tố kinh tế thị trường qua sự tham dự đông đảo và sùng bái của nhiều người làm ăn buôn bán, đặc biệt là những người làm nghề đi ghe và xà lan tại địa phương. Cúng đình hiện nay không còn là một hoạt động nội bộ của địa phương mà hoạt động này còn thể hiện sự giao lưu rất mạnh mẽ trong mạng lưới *đình* khu vực và với các hình thức tôn giáo tín ngưỡng khác như Cao Đài và tín ngưỡng thờ nữ thần.

2. Nghi lễ cúng đình tại xã Tân Chánh

Đình ngoài việc thờ Thần để cầu xin sự bình an cho “xã tắc” còn gắn liền với nghi lễ nông nghiệp trồng lúa thể hiện qua việc thờ Thần Nông và hàng năm đều tổ chức cúng tại bàn thờ Thần Nông vào các dịp Hạ điền (tháng 5 âm lịch), Thượng điền (tháng 8 âm lịch) và Cầu bông (tháng 10 âm lịch). Tại đình Tân Chánh, dù đã có gần 20 năm chuyển sang nuôi tôm nhưng người dân vẫn còn duy trì các dịp cúng này để cầu cho sự phát triển của cộng đồng. Tuy nhiên, vì *đình* là nơi thờ “Thần” phù hộ cho dân làng nên từ khi chuyển sang nuôi tôm, hình ảnh con tôm đã đi vào các lời khấn, cầu mong được mùa điển hình với câu “Cầu cho mưa thuận gió hòa, tôm sú phát triển nhà nhà yên vui”. Tuy nhiên, các lễ cúng nông nghiệp này chỉ do ban Hội hương tổ chức “nội bộ” với lễ vật cúng đơn giản là hoa, gà, và trái cây.... Người địa phương cũng ít tham gia vào các dịp cúng này. Chỉ có nghi lễ cúng Đình (Đại lễ Kỳ yên) là thu hút đông người tham gia nhất. Ngoài chức năng tín ngưỡng, cúng đình cũng là dịp người dân trong cộng đồng gắn bó với nhau ở quy mô cấp xã. Trong bối cảnh hiện nay, nghi lễ cúng đình ngoài việc cố kết nội bộ cộng đồng với các hoạt động như phân công công việc chuẩn bị cho nghi lễ, tiếp khách, tổ chức nấu nướng, xem hát bội... còn mở rộng cố kết trong mạng lưới tín ngưỡng “giao lưu” giữa các địa phương thể hiện ở phần nghi lễ cúng và bữa cơm cộng cảm.

Để thực hiện công việc cúng *đình*, người dân cùng nhau thành lập Ban Hội hương đình. Ban Hội hương gồm những người nam giới “lớn

tuổi, có uy tín xã hội” trong cộng đồng và là những người cựa thủ bản. Ngoài ra, khi có cha làm trong ban Hội hương mà cha qua đời, con trai có thể thế vị trí đó. Danh sách Ban Hội hương nhiệm kỳ 2009-2010 có đến 30 người từ nhiều ấp trong xã, nhưng hoạt động thường xuyên là 20 người, luân phiên đảm trách công việc vì có người đi ghe, đi làm ăn xa. Ban Hội hương có nhiều người để phân công nhau đi đám. Trong Ban Hội hương, những người chịu trách nhiệm chính phụ trách công việc tổ chức cúng đình và giao tế xã hội là Hội trưởng và Thủ bản. Tuy nhiên, mọi quyết định có liên quan đến *đình* đều được đem ra bàn bạc trong Ban Hội hương để lấy ý kiến chung. Có thể nói Thủ bản được cho là nhân vật quan trọng nhất trong Ban Hội hương trong điều hành mọi việc thể hiện qua quan niệm “Thủ bản là con của Thần”. Thủ bản đình Tân Chánh năm 2010 gồm sáu người. Trong đó có ba người làm Thủ bản chính và ba người làm Thủ bản phụ. Các Thủ bản có nhiệm kỳ một năm, và sẽ được bầu chọn lại vào dịp cúng đình trên cơ sở tự ứng cử. Đa số các Thủ bản nhiệm kỳ 2009-2010 là “dân làm ăn”, đó là những chủ các cơ sở kinh doanh về tôm và vận chuyển (xà lan). Do việc cúng đình chủ yếu dựa vào sự đóng góp của người dân vào ngày cúng đình nên các Thủ bản bao giờ cũng là người phải ứng tiền ra trước cho công tác hậu cần chuẩn bị và mời đoàn hát theo hình thức “chi trước trả sau”. Nếu tiền cúng đình còn dư thì được đầu tư vào công tác xây dựng và chỉnh trang đình. Nếu không đủ tiền làm lễ cúng thì “thủ bản bỏ ra trước, ghi sổ rồi năm sau trả lại”. Vợ các Thủ bản là người lo quán xuyến công việc đi chợ và nấu nướng. Trong các buổi cúng tế nếu người chồng làm Thủ bản đi vắng, vợ hoặc người thân trong gia đình (thường là anh em trai) có thể thay thế trong các nghi lễ cúng. Cũng như các đình khác ở Nam Bộ, chương trình lễ cúng đình xã Tân Chánh diễn ra trong hai ngày gồm có lễ Tống phong, lễ Thịnh sắc, lễ Xây châu Đại bội, lễ Thịnh sanh, lễ Túc yết, tiếp khách (phần Hội), lễ Chánh tế, hát tuồng kết thúc đại lễ Kỳ yên.

Do sự đồng nhất người có công với vùng đất là Nguyễn Khắc Tuấn như là Thần hoàng của làng, nên người dân gọi đây ngày “giỗ Linh Thần.” Cúng đình năm 2010 diễn ra với quy mô lớn về khách mời, do năm này trùng vào thời gian “đáo lệ” hát bội được tổ chức ba năm một lần. Các năm sau này do số tiền thu được từ cúng đình nhiều nên việc

hát bội được tổ chức thường xuyên hơn chứ không theo “đáo lệ” ba năm. Người tham dự cúng đình bắt đầu đông vào khoảng từ năm 2004 đến năm 2005 khi mà các “đại gia” trong xã tham gia làm Thủ bản đã mở rộng mạng lưới tham gia. Trước đó, người tham gia cúng đình chủ yếu là dân địa phương và chính quyền. Từ ngày có sự tham gia của các chủ cơ sở kinh doanh vào Ban Hội hương (những người khoảng từ 45-55 tuổi), việc cúng đình Tân Chánh trở thành một hoạt động mang tính “ngoại giao”. Tổ chức lễ cúng đình chia làm hai tầng nhóm công việc chính. Việc cúng tế và tiếp các đoàn là do Ban Hội hương, đặc biệt là các Thủ bản đứng ra tổ chức. Công tác hậu cần là do dân tự nguyện làm. Đoàn ông lo công việc chuẩn bị trang hoàng đình. Cờ lễ được treo dọc theo con đường dẫn từ cổng chào của ấp Đình đến đình. Vợ của các Thủ bản chịu trách nhiệm đi chợ và nấu ăn. Tham gia chuẩn bị công việc bếp núc là các phụ nữ trong xóm, đa phần là những phụ nữ trung niên. Từ khâu tập trung lo chuẩn bị, nấu ăn, đến tiếp khách đều do người dân tự nguyện. Người dân trong xã tự động nhớ ngày cúng đình mà đến tham gia vào công việc dọn dẹp, treo cờ dọc đường đi, và chuẩn bị nấu đồ cúng theo nguyên tắc “cùng làm cùng ăn”. Vợ của các Thủ bản thường là người thu xếp các công việc hậu cần như chọn món, đi chợ, nhờ người nấu, phân công công việc trong bếp. Các Thủ bản và thành viên Ban Hội hương thường là nam giới, lo dọn dẹp, trưng bày, trang hoàng ở đình và đường dẫn đến đình, sắp xếp bàn ghế, phân công người tiếp khách, người trông giữ xe.... Do đình Tân Chánh nằm trên địa phận của ấp Đình nên cư dân ấp luôn coi nhiệm vụ chăm sóc và thờ cúng là nhiệm vụ của họ. Họ cũng là người đảm nhiệm các công việc hậu cần của *đình*, còn người dân các ấp khác đến chủ yếu để cúng và dùng cơm. Tuy nhiên, họ cũng tham gia vào các công việc như phụ bung đồ ăn, sắp mâm, dọn mâm, và rửa chén.

Mối quan hệ giữa *đình* và đạo Cao Đài cũng được thể hiện trong nghi lễ cúng đình. Việc cúng tế đều do các học trò lễ thực hiện dưới sự điều khiển của “Thầy Lễ” (Ông N.V.T, 75 tuổi, ấp Đình). Trước ngày cúng đình, nghi lễ cầu an cho cộng đồng và cầu siêu cho các “chiến sĩ” tại *đình* cũng được tổ chức với sự tham gia của các tín đồ Cao Đài. Do số lượng đồng nghi ít nên thánh thất Tân Chánh tại ấp Đình không thành lập được Ban Nhạc lễ. Để tổ chức nghi lễ này, Thánh thất Tân

Chánh đã mời Ban Nhạc lễ ở Tây Ninh về cùng tham dự để tăng phần trang trọng. Trong các dịp khác, thánh thất tại đây thường mời Ban Nhạc lễ của thánh thất ở xã Long Hựu lân cận. Để mời Ban Nhạc lễ ở Tây Ninh về thực hiện nghi lễ cầu an, Ban Hội hương “chịu tiền xe và chỉ làm cơm mời”. Thành viên Ban Hội hương cho biết về mối quan hệ này:

“Đại lễ Kỳ yên mời họ đạo Cao Đài cầu an cho cộng đồng, quốc thái dân an vì xã mình có Cao Đài thì mời chứ mời nơi khác họ buồn làm sao vì đạo nào cũng là đạo... Cầu cho chư hồn liệt sĩ an nhàn, siêu thoát về nơi tiên cảnh” (B.T.L, 80 tuổi, ấp Đình, phỏng vấn năm 2010).

Để có tiền mua quà đi thăm bệnh và cúng tế trong nội bộ Hội, Ban Hội hương “người đậu 20, người đậu 50 hay 100 (ngàn)”. Nếu quỹ Hội không đủ cho các chi phí trong năm, các Thủ bản sẽ là người ứng tiền ra trước. Số tiền này sẽ được ghi vào sổ để đến dịp cúng đình trả lại. Ngoài tham gia “giỗ Linh Thần” tại đình, người dân trong ấp còn tham gia vào dịp giỗ Thần tại lăng mộ ông Nguyễn Khắc Tuấn, vị Thần hoàng của làng vào ngày 16 tháng 2 âm lịch của Hội Hòa Đức, bao gồm “những người giữ mã” của xóm nơi có mộ Thần ở ấp Lăng tổ chức. Ở giai đoạn đầu, nghi lễ cúng lăng chỉ làm với quy mô nhỏ, giới hạn trong nội bộ xóm. Sau này, đặc biệt giai đoạn hiện nay, ngày giỗ này được tổ chức lớn, có mời đại diện các đình và miếu trong địa phương nhưng số lượng hạn chế hơn dịp cúng đình. Người tham dự chủ yếu là dân tại ấp Lăng và một bộ phận cư dân ấp Đình và các ấp lân cận.

Tuy gần ấp Đình có miếu Bà Chúa Xứ thuộc địa bàn xã Tân Ân, nhưng với quan niệm “xóm nào cúng xóm đó”, nên người dân tại đây không tham gia vào ngày Vía Bà của ấp này cũng như của các ấp lân cận ngoại trừ những người có mối quan hệ riêng với địa phương đó. Chẳng hạn như do giáp ranh với ấp Đông Trung, những người dân của xóm Đạo của ấp Đình hiện nay vẫn còn tham gia đi cúng miếu Ao Tranh tại ấp này do trước đây họ thường đi gánh nước ngọt tại ao này để dùng.

Ảnh hưởng của nghề đi ghe và xà lan đối với cúng đình còn thể hiện qua nghi lễ *Tống phong* (*Tống ôn*) được tổ chức vào sáng ngày mùng 5 tháng 2 âm lịch. Trước đó, các Thủ bản chuẩn bị đóng thuyền

để đem thả *tống ôn* với mong muốn xua đuổi những xui xẻo của cộng đồng trôi theo dòng nước, để những điều tốt đẹp ở lại với cộng đồng. Nếu nghi lễ *Tống ôn* diễn ra tốt đẹp (thuyền *Tống ôn* không bị lật và không bị sóng đánh quay trở lại vào bờ), người dân tin là báo hiệu cho một năm làm ăn thuận lợi. Nếu nghi lễ này diễn ra không thuận lợi, người ta phải làm lại nghi lễ này vào một ngày khác sau đó. Thuyền *Tống ôn* được đóng theo mô hình tàu kéo sà lan, đặc trưng cho một nghề đem lại sự thịnh vượng cho người dân tại đây.

Sau nghi lễ Thịnh sắc Thần được tổ chức vào trưa ngày 5 tháng 2 âm lịch để rước sắc Thần qua “trình diện” tại lăng mộ ông Nguyễn Khắc Tuấn ở ấp Lăng cách *đình* khoảng 300 m, người dân trong ấp bắt đầu đến đình để cúng. Người đi cúng đình đa số là nam và nữ ở lứa tuổi trung niên trở lên. Các lễ vật cúng gồm có trái cây, xôi, bánh ít, tiền và đặc biệt là đầu heo. Trong Ban Hội hương có người ngồi ghi lại số tiền đóng góp của người dân. Để chuẩn bị cho công tác mời khách, trước đó một tháng, Ban Hội hương đã gửi thư mời tham dự cho “bạn bè” khắp nơi. Việc mời khách diễn ra mạnh mẽ khoảng 5-6 năm trở lại đây. Một phần là do sự phát triển kinh tế có “các đại gia” tham gia tổ chức, một phần là do được chính quyền chấp thuận. Trước đó, đặc biệt là giai đoạn sau giải phóng, việc cúng đình chỉ diễn ra “trong nội bộ Ban Hội hương, có gì cúng nấy, không có làm heo, bò như bây giờ. Mua đầu heo cúng thôi”. Ban Hội hương các đình và Ban Miếu mặc áo dài đồng phục may bằng gấm để tỏ lòng tôn kính khi vào cúng Thần. Một số ban Hội hương của các đình và ban Hội Miếu khác có sự tham gia của phụ nữ. Nhiều người gốc Tân Chánh đi làm ăn xa hay chuyển cư vẫn nhớ ngày cúng đình về tham dự. Số người đi cúng tiền dịp cúng đình Tân Chánh năm 2010 là hơn 700 người. Số tiền cúng thu được khoảng 100 triệu đồng, chi phí tổ chức khoảng 80 triệu, trong đó tiền mời đoàn hát là 20 triệu. Năm 2017, số tiền thu được từ cúng đình là 190 triệu, chi phí tổ chức khoảng 100 triệu, bao gồm cả 20 triệu tiền hát bội. Trừ chi phí tổ chức, số tiền còn lại dùng để trả nợ tiền sửa chữa đình vào những năm trước và làm quỹ giao tế của Hội. Trước ngày cúng đình, Ban Thủ bản đã đi vận động bạn bè, đóng góp được 30 triệu đồng (30 người). Số tiền thu được trong ngày cúng đình khoảng 70 triệu với

khoảng 680 người đóng góp. Mức cúng tiền cao nhất là 5 triệu đồng (một công ty về nghề sắt ở Tp. Hồ Chí Minh), mức thấp nhất là 20.000đ. Người dân cúng phổ biến khoảng 50.000đ. Những người làm ăn thường cúng trong mức từ 200.000 đến 400.000đ. Vào những dịp cúng đình trước thời điểm nuôi tôm (năm 2000), người dân thường đi cúng trái cây. Về sau, người dân chuyển sang cúng tiền vì họ có tiền mặt từ nuôi tôm và để tiện cho ban tổ chức sử dụng trong việc chi phí. Một Thủ bản nhận xét: “Kinh tế người dân ngày càng cao nên người dân tham gia cúng đình nhiều”.

Ngoài hình thức cúng tiền, nhiều người dân còn cúng các đồ dùng bếp núc như chén, đĩa, tô, đũa, xoong, gạo, và bàn ghế để phục vụ cho đình. Những người này thường là các chủ ghe, thường cúng trước ngày cúng đình. Ngoài số người đi cúng bằng tiền, còn có những người đi cúng bằng lễ vật như bánh, xôi, trái cây, nhang, đèn hay đầu heo luộc. Những người đi cúng bằng lễ vật không được ghi sổ như cúng tiền.

Quỹ của Ban Hội hương đình Tân Chánh năm 2010 là 30 triệu đồng, chủ yếu cho người dân vay lấy lộc Thần. “Số tiền vay cao nhất là 500.000đ và thấp nhất là 50.000đ. Lãi là do lòng hảo tâm của bà con. Ai muốn vay cũng được” (N.V.H, 48 tuổi, Thủ quỹ Ban Hội hương đình Tân Chánh). Người dân sẽ trả lại số tiền này cùng với số tiền lãi vào dịp cúng đình năm sau để có kinh phí tổ chức lễ cúng. Ngoài ra, năm 2010, Ban Hội hương còn thành lập Quỹ giao lưu với các đình/miếu bạn để tạo điều kiện cho những người làm Thủ bản không có điều kiện khá giả về kinh tế vẫn có khả năng làm được vì công việc của họ là điều hành mọi công việc và là người đi giao lưu với những nơi khác. Quỹ này được trích trong tiền cúng đình nhưng chủ yếu là do Ban Hội hương, đặc biệt là các Thủ bản đóng góp. Quỹ cho vay lấy lộc tiền lãi để bù vào thâm hụt nếu tiền đi cúng bị thiếu hụt. Tiền lãi của Quỹ do sự hảo tâm của bà con. Mọi người trong xã đều có thể vay lấy lộc. Sau khi kết sổ tiền cúng đình vào mừng 8 tháng 2, người dân có thể đến gặp các Thủ bản để vay, đến dịp cúng đình vào ngày mừng 6 tháng 2 năm sau, người dân đến gặp các Thủ bản để trả vốn và lãi. Năm 2010, đình có khoảng 60 người vay tiền. Năm 2017, có gần 100 người vay tiền.

Cùng với sự phát triển về kinh tế, việc cúng đình cũng đã trở thành một dịp “giao lưu” rộng rãi, ví dụ năm 2010 mời ở Tp. Hồ Chí Minh, Tiền Giang và bạn bè của các thành viên Ban Hội hương đến từ khắp các tỉnh thành Tây Nam Bộ. Trong nghi lễ cúng đình tại Tân Chánh có một sự khác biệt về hình thức đi cúng của người dân địa phương, đại diện cho các cá nhân riêng lẻ, và hình thức đi cúng của các đoàn khách. Trong khi người dân địa phương đi thẳng vào trong đình đứng xếp hàng để đến lượt cúng và đặt lễ vật cúng của mình lên bàn và sau đó ra bàn dùng cơm hoặc không dùng cơm thì việc cúng của các đoàn được tổ chức một cách trang trọng với các thủ tục đăng ký với đại diện ban tổ chức, ngồi chờ được xướng tên trên loa để vào cúng và sau đó là được mời ra bàn để dùng cơm. Lễ vật cúng của các đoàn thường là mâm trái cây, nhang đèn và tiền (từ 500.000đ đến 1 triệu đồng (năm 2010); từ 1-2 triệu (năm 2017)). Số tiền đi cúng của các đoàn có thể có số lẻ, ví dụ: 750.000đ; 1,2 triệu; 1,3 triệu do ngoài số tiền quỹ chung của các đoàn thì các thành viên đi cúng trong đoàn có thể “*đậu thêm*”. Năm 2010, số đoàn “giao lưu” đi cúng ở đình Tân Chánh là 20 đoàn; năm 2017 là 35 đoàn với mức cúng từ 1-2 triệu đồng, kèm lễ vật là trái cây và nhang đèn. Họ là Ban Hội hương các đình và Ban Hội Miếu bạn bè khắp các tỉnh đến tham dự. Một Thủ bản, chủ trại tôm giống cho biết về sự tham gia của bản thân vào hoạt động cúng đình vào sự mở rộng các mối quan hệ của đình Tân Chánh: “Trước đây mấy ông già làm Thủ bản nên làm gói ghém. Trước đó, anh chỉ làm mạnh thường quân vận động đóng góp. Sau này thấy mình lớn tuổi rồi, và làm ăn cần có tin tưởng để làm ăn cho mạnh mẽ chút nên xin làm Thủ bản.... Làm ăn ai cũng tín ngưỡng vì nhiều chuyện lắm. Nếu đốt một cây nhang sẽ làm cho mình tin tưởng hơn vì có Ông Thần phù hộ. Mình tin mình làm. Sau này, anh tham gia làm (Thủ bản), anh rủ bạn bè làm ăn của mình, chủ yếu dân xa lan cùng tham gia. Rồi mình vận động anh em làm ăn đóng góp. Người 500.000đ, người 1 triệu. Mình nói về sự linh thiêng của Ông Thần, người ta tin người ta đóng góp.... Cúng đình mình mời người ta. Sau này người ta (các đình và miếu khác) cúng mình phải đi lại. Trong Hội phân công thay nhau đi. Người ta đi tiền bao nhiêu mình ghi lại để mai một mình đi lại” (L.V.L, nam, 50 tuổi, ấp Đình, phỏng vấn năm 2010).

Mối quan hệ giữa kinh tế và nhu cầu tâm linh thể hiện rõ qua việc các chủ cơ sở kinh doanh tại địa phương tham gia vào việc làm Thủ bồn và Ban Hội hương. “Mấy năm trước khó kiếm Thủ bồn vì sợ lố. Tiền cúng đình dư bỏ vào quỹ. Thiếu thì nợ lại năm sau. Giờ dân có tiền đăng ký làm Thủ bồn vì tin là làm công đức để phù hộ cho việc làm ăn” (B.T.L, 80 tuổi, Ban Hội hương đình Tân Chánh).

Như vậy, trong bối cảnh của xã hội hiện nay, đình làng là một thiết chế văn hóa vẫn duy trì những chức năng quan trọng vốn có của nó. Chức năng tín ngưỡng của nghi lễ cúng đình vẫn bảo tồn bản chất phù trợ cho hoạt động sinh kế nông nghiệp của cư dân. Nếu trước đây sinh kế là trồng lúa thì hiện nay sinh kế là nuôi tôm. Con tôm đã đi vào trong các câu khẩn và nguyện vọng gửi gắm đến vị Thần hoàng của làng. Ngoài ra, khi nghiên cứu lễ cúng đình ở xã Tân Chánh như một điển hình của việc đình ở Nam Bộ, chúng tôi nhận thấy chức năng xã hội của *đình* đã được mở rộng hơn. Nghi lễ cúng đình không chỉ có chức năng cố kết trong nội bộ cộng đồng cư dân, mà còn mở rộng các mối dây liên kết kinh tế xã hội đến các địa phương khác. Chính sự mở rộng này càng làm cho nghi lễ cúng đình ngày càng trở nên quy mô hơn. Sự chuyển biến từ kinh tế trồng lúa nước với năng suất thấp qua nuôi tôm theo định hướng thị trường đã làm cho người dân có điều kiện đóng góp cho nghi lễ cúng đình. Ngoài ra, sự tồn tại nhiều hoạt động kinh tế ở cộng đồng cũng là điều kiện thúc đẩy các mối quan hệ xã hội của nghi lễ cúng đình. Xét ở chiều ngược lại, nghi lễ cúng đình được tổ chức trang trọng và quy mô càng làm cho các mối quan hệ xã hội này phát triển và gắn kết để có thể đem lại các mối lợi về kinh tế cho các bên tham gia./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo tàng Long An (2011), *Lịch sử văn hóa đình Tân Chánh và Lăng mộ Nguyễn Khắc Tuấn (xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An)*.
2. Đảng ủy xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An (2003), *Lịch sử truyền thống xã Tân Chánh*.
3. Lương Văn Hy (1994), “Cải cách kinh tế và tăng cường lễ nghi tại hai làng ở miền Bắc Việt Nam, 1980-1990” trong *Những thách thức trên con đường cải cách Đông Dương*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội: 437-481.
4. Sơn Nam (biên khảo, 2006), *Đình miếu và lễ hội dân gian miền Nam*, Tái bản lần thứ 1, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Thị Minh Ngọc (2011), *Ngôi đình ở miền Tây Nam Bộ*, Luận văn Thạc sĩ.

6. Lê Thị Ninh (2011), *Tín ngưỡng thờ Thành hoàng của người Việt ở miền Tây Nam Bộ*, Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học.
7. Lê Sơn (1996), *Hội đình Thông Tây Hội Gò Vấp trong bối cảnh hội đình làng tại Nam Bộ*, Luận án Phó Tiến sĩ Lịch sử.
8. Huỳnh Quốc Thắng (2003), *Lễ hội dân gian của người Việt ở Nam Bộ (khía cạnh giao tiếp văn hóa dân tộc)*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
9. Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường (1997), *Đình Nam Bộ xưa và nay*, Nxb. Đồng Nai.
10. Hồ Tường, Nguyễn Hữu Thế (2005), *Đình ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
11. UBND xã Tân Chánh (2009), *Hội nghị tổng kết vụ nuôi tôm sú năm 2009*.
12. UBND xã Tân Chánh (2009), *Kế hoạch diễn tập phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn xã Tân Chánh*.
13. UBND xã Tân Chánh (2010), *Báo cáo diện tích nuôi tôm các ấp năm 2009*.

Abstract

COMMUNICATION AND COHESION OF COMMUNITY THROUGH THE RITUAL OF COMMUNAL TEMPLE IN TÂN CHÁNH COMMUNE, CẦN ĐỨC DISTRICT, LONG AN PROVINCE

Communal temple is a cultural and social institution of traditional Vietnamese village. Therefore, beside cultural studies, explore the meaning of rituals and regional cultural characteristics in rituals, the ritual of communal temple can also be examined in the function of communal cohesion. Based on survey data of worshipping in the communal temple in Tân Chánh, Cần Đức district, Long An province in the period from 2010 to 2012, this research shows that the current worshipping ceremony, beside the spiritual function, meets the need for strengthening social cohesion. The “communication” network of the communal temples has become a prominent phenomenon in the ritual of communal temple at present. The cohesive factor through exchange activities has not only limited the scope of local community, but it also extends beyond. The economic development of the locality has contributed to the “enhancement of ritual” of the communal temple worshipping ceremony in the South.

Keywords: Community, cohesion, communication, ritual, worship.